

**CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN KHỐI 8
NĂM HỌC 2023-2024**

A. MÔN: TOÁN HỌC

I. Quy định chung

- Hình thức thi: Tự luận
- Tổng thời gian làm bài: 150 phút.
- Số lượng bài: 05 bài
- Giới hạn kiến thức: Chương trình Toán các lớp 6, 7 và lớp 8 đến thời điểm thi, tính theo chương trình của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

II. Cấu trúc đề thi: Tự luận (10 điểm)

Thứ tự	Nội dung	Mức độ	Điểm
Bài 1	Kiến thức đại số: - Phân thức đại số - Biểu thức đại số - Đa thức	Thông hiểu	1,25 điểm
	- Bài toán thực tế về đại số	Thông hiểu	1,0 điểm
Bài 2	Kiến thức số học: - Số chính phương, số nguyên tố; hợp số - Phương trình nghiệm nguyên - Chia hết - Cấu tạo số	Vận dụng	1,0 điểm
	Bài toán thực tế về số học	Vận dụng	1,0 điểm
Bài 3	- Bất đẳng thức, cực trị	Vận dụng cao	1,0 điểm
Bài 4	Kiến thức về hình học: - Đa giác, diện tích đa giác (được sử dụng định lý Py-ta-go) - Hình thang, hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông. - Định lý Ta-let, đường trung bình, đường phân giác, ... - Tam giác đồng dạng	Vận dụng	3,0 điểm

Bài 5	Tổ hợp và xác suất	Vận dụng	1,0 điểm
	Rời rạc: - Sử dụng các nguyên lý: Dirichlet, Nguyên lý bất biến, ...	Vận dụng cao	0,75 điểm

B. MÔN NGỮ VĂN

I. Quy định chung

- Hình thức thi: gồm 2 phần (Phần Đọc hiểu và phần Viết).
- Tổng thời gian làm bài: 150 phút.
- Thang điểm chấm thi: 10 điểm (2,0 điểm Đọc hiểu; 8,0 điểm Viết)
- Số câu:
 - + Đọc hiểu: 03 câu.
 - + Viết: 02 câu.
- Giới hạn kiến thức: Thuộc chương trình môn Ngữ văn THCS các lớp 6, 7 và lớp 8 đến thời điểm thi, tính theo chương trình của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

II. Cấu trúc đề thi.

Phần 1: Đọc hiểu.

Ngữ liệu	Nội dung	Số câu	Điểm	Mức độ
- Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: + 01 đoạn trích/ văn bản hoàn chỉnh thuộc các thể loại đã học từ lớp 6 đến giữa học kì II lớp 8 theo chương trình GDPT 2018 (<i>truyện, thơ, văn nghị luận, văn bản thông tin, tản văn...</i>). + Nguồn ngữ liệu ngoài chương trình SGK Ngữ văn bậc THCS.	Đặc trưng thể loại.	1	0,25 điểm	01 Nhận biết
	Nét độc đáo về nghệ thuật của văn bản/đoạn trích.	1	1,0 điểm	01 Thông hiểu
	- Bày tỏ ý kiến về quan điểm/ tư tưởng/ tình cảm/ thái độ của tác giả thể hiện trong đoạn trích/ văn bản. - Rút ra thông điệp/ bài học từ đoạn trích/ văn bản.	1	0,75 điểm	01 Vận dụng
TỔNG		3	2,0 điểm	

Phần 2: Viết

Câu	Nội dung	Điểm	Mức độ
Câu 1	Viết một bài văn nghị luận xã hội ngắn trình bày ý kiến về vấn đề được gợi ra từ ngữ liệu phân đọc hiểu.	3,0 điểm	Vận dụng
Câu 2	Viết một bài văn nghị luận để làm sáng tỏ nhận định văn học (có thể sử dụng tác phẩm đã học trong chương trình hoặc tác phẩm ngoài sách giáo khoa để phân tích, chứng minh).	5,0 điểm	Vận dụng
Tổng		8,0 điểm	

C. MÔN: TIẾNG ANH**I. ĐIỂM BÀI THI**

Tổng điểm: 100

Tổng số câu: 130

Thời gian: 150 phút

II. CẤU TRÚC ĐỀ**A. LISTENING**

1. Tổng số câu: 20 - 03 bài

2. Điểm: 20

3. Thể loại: Monologue, Dialogue

4. Thời gian: tối đa 30 phút

5. Dạng bài: Nghe điền thông tin còn thiếu - Không quá 03 từ/ số, Chọn True/ False, Chọn đáp án đúng, Trả lời câu hỏi - Không quá 03 từ/ số.

B. PHONOLOGY

1. Tổng số câu: 10 – 02 bài

2. Điểm: 10

3. Dạng bài: Trắc nghiệm

I. Choose the word whose bold part is pronounced differently from that of others in each group.

Write your answers (A, B, C or D) in the spaces given on the right. (5 câu – 5 điểm)

II. Pick out the word whose stress pattern is different from that of the others in each group.

Write your answers (A, B, C or D) in the spaces given on the right. (5 câu - 5 điểm)

C. VOCABULARY AND GRAMMAR

1. Tổng số câu: 55 câu – 05 bài
2. Điểm: 40
3. Dạng bài: Trắc nghiệm, Tự luận

I. Choose the correct word or phrase to complete each sentence.

Write your answers (A, B, C or D) in the spaces given on the right. (16 câu – 08 điểm)

Choose the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions. (02 câu - 01 điểm)

Choose the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions. (02 câu - 01 điểm)

II. Give the correct form of the words in brackets.

Write your answers in the spaces given on the right. (10 câu – 05 điểm)

III. Fill each gap in the following sentences with a suitable preposition or an adverb particle.

Write your answers in the spaces given below. (10 câu mỗi câu x 02 giới từ - 10 điểm)

IV. Give the correct form or tense of the verbs in brackets.

Write your answers in the spaces given. (10 câu mỗi câu x 02 động từ - 10 điểm)

V. Point out one of the underlined parts in each sentence that is not correct and get it right.

Write A, B, C or D and your corrections in the spaces provided. Number 0 is an example.

(05 câu - 05 điểm - Xác định lỗi sai 0,5 điểm/ lỗi; Sửa lỗi sai 0,5 điểm/ lỗi)

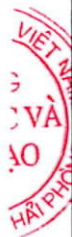
D. READING COMPREHENSION

1. Tổng số câu: 30 câu – 03 bài
2. Điểm: 15
3. Dạng bài: Trắc nghiệm, Tự luận

I. Read the passage and choose the correct answer to each question.

Write your answers (A, B, C or D) in the spaces given below. (10 câu - 05 điểm)

II. Read the passage and choose the correct word for each blank.



Write your answers (A, B, C, or D) in the spaces given on the right. (10 câu - 05 điểm)

III. Fill each blank in the following passage with ONE suitable word.

Write your answers in the spaces given below. (10 câu - 05 điểm)

E. WRITING

1. Tổng số câu: 15 câu – 02 bài

2. Điểm: 15

3. Dạng bài: Tự luận

I. Finish the second sentence in such a way that it means the same as the original one. (10 câu - 10 điểm)

II. Rewrite each sentence in such a way that it means the same as the original one, using the word in the bracket at the end of each sentence. Do not change this word in any way. (05 câu - 05 điểm).

----- **THE END** -----